

Số: /2024/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2024

DỰ THẢO
xin ý kiến trên TTTĐT của
Bộ GDĐT 14/8/2024

THÔNG TƯ

Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định về kiểm
định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, bao gồm bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. Việc kiểm định chất lượng chương trình liên kết đào tạo các trình độ giáo dục đại học do nước ngoài cấp bằng tốt nghiệp, áp dụng theo quy định của Chính phủ và quy định liên quan tại thông tư này.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học, trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có nhiệm vụ đào tạo các trình độ giáo dục đại học, các viện hàn lâm và viện do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo quy định của Luật khoa học và Công nghệ được phép đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo); các tổ chức kiểm định chất

lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động (sau đây gọi là tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước); các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài); các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình đào tạo* là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện để đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học ở trình độ cụ thể cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm chương trình dạy học với: mục tiêu, khối lượng học tập, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với học phần, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. *Chất lượng của chương trình đào tạo* là sự đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở trình độ cụ thể, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

3. *Tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình đào tạo* là mức độ yêu cầu và điều kiện cần đạt được ở một nội dung cụ thể của mỗi tiêu chuẩn.

4. *Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo* là các yêu cầu về nội dung và điều kiện mà chương trình đào tạo phải đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Mỗi tiêu chuẩn ứng với một lĩnh vực cần đánh giá của chương trình đào tạo, có nhiều tiêu chí và có tối thiểu một tiêu chí điều kiện.

5. *Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo* là việc thu thập, xử lý thông tin, đưa ra những nhận định về hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong được xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn, hướng dẫn và kiểm soát toàn bộ nội dung, các thành phần và các hoạt động liên quan đến chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo, bao gồm: mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo; hoạt động dạy và học; đánh giá kết quả học tập; đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (nếu có); các dịch vụ hỗ trợ người học; cơ sở hạ tầng và trang thiết bị; đầu ra và kết quả đầu ra.

6. *Tự đánh giá chương trình đào tạo* là quá trình cơ sở đào tạo tự xem xét đề báo cáo về thực trạng xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong về các vấn đề liên quan thuộc chương trình đào tạo để cơ sở đào tạo làm căn cứ tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

7. *Đánh giá ngoài chương trình đào tạo* là quá trình khảo sát, đánh giá của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để xác định mức độ chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

8. *Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo* là hoạt động đánh giá, công nhận mức độ chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

9. *Thông tin* là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác. Thông tin được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau để bảo đảm tính chính xác, được sử dụng để hỗ trợ và minh họa cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá và báo cáo đánh giá ngoài.

10. *Minh chứng* là các tài liệu, tư liệu, sự vật, hiện tượng, ý kiến của nhân chứng được dẫn ra để xác nhận một hoạt động, sự việc làm căn cứ để xác định mức độ đạt được của tiêu chí.

11. *Đối sánh* là hoạt động đối chiếu và so sánh các yếu tố/hoạt động của một cơ sở đào tạo/một chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo/chương trình đào tạo khác được lựa chọn nhằm cải tiến chất lượng.

12. *Mục tiêu đào tạo* là các tuyên bố tổng quát mô tả những gì người tốt nghiệp có thể đạt được sau khi tốt nghiệp. Các mục tiêu đào tạo được xây dựng theo nhu cầu của các bên liên quan đối với chương trình đào tạo và được hỗ trợ bởi kết quả học tập của người học (chuẩn đầu ra).

13. *Bản mô tả chương trình đào tạo* là tài liệu cung cấp thông tin về chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo/chương trình đào tạo. Bản mô tả chương trình đào tạo bao gồm các nội dung chính sau: Tóm tắt mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình đào tạo, ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tóm tắt nội dung chính của các học phần, tóm tắt phương pháp dạy và học, tóm tắt phương pháp đánh giá kết quả học tập, điều kiện tốt nghiệp, ngày tháng ban hành/điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo.

14. *Các bên liên quan của cơ sở đào tạo* gồm có bên liên quan bên trong: người học, giảng viên, nghiên cứu viên (nếu có), kỹ thuật viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý của cơ sở đào tạo; bên liên quan bên ngoài: cựu người học, người học tiềm năng, gia đình người học, nhà sử dụng lao động, các hội nghề nghiệp, chuyên gia, doanh nghiệp, đối tác, nhà tài trợ, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

15. *Cộng đồng* là các đối tượng, đối tác trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu, phát triển, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, chính

quyền các cấp và các bên liên quan trong phạm vi triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, phát triển của cơ sở đào tạo.

16. *Phục vụ cộng đồng* là các hoạt động của cơ sở đào tạo nhằm góp phần vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể của cộng đồng, mang lại lợi ích cho xã hội, cho cộng đồng.

Điều 3. Mục đích sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và sử dụng kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

1. Cơ sở đào tạo sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, hướng dẫn và kiểm soát toàn bộ hoạt động liên quan đến chương trình đào tạo và tự đánh giá nhằm bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để thẩm định hồ sơ tự đánh giá, hướng dẫn hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng và cải tiến cách vận hành hệ thống, công nhận hoặc không công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với các chương trình đào tạo; căn cứ bộ tiêu chuẩn này để xây dựng hướng dẫn hoặc bổ sung, tích hợp tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo ngành chuyên sâu, đặc thù đáp ứng yêu cầu của các tổ chức bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục uy tín trên thế giới và nhu cầu của xã hội.

3. Kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là một trong các cơ sở để xác định quyền tự chủ của cơ sở đào tạo.

Điều 4. Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và tiêu chuẩn, quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục

Cơ sở đào tạo lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục cùng với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tương ứng để thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo các trường hợp sau:

1. Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước theo quy định pháp luật và áp dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cùng với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo quy định tại Chương II và Chương III của Thông tư này.

2. Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài và áp dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nước ngoài với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục đang áp dụng theo quy định tại nước sở tại của tổ chức đó.

3. Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước do tổ chức bảo đảm, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài ủy quyền sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục với quy trình và chu kỳ kiểm định

chất lượng theo quy định của tổ chức bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoặc lựa chọn bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cùng với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng quy định tại Chương II và Chương III của Thông tư này kèm theo các hướng dẫn, tiêu chí do tổ chức kiểm định trong nước xây dựng.

Chương II

BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 5. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học.

2. Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan.

3. Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra riêng biệt.

4. Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.

6. Tiêu chí 1.6: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.

Điều 6. Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

1. Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, được phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

2. Tiêu chí 2.2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển theo cách bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.

3. Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.

4. Tiêu chí 2.4: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng.

5. Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp.

6. Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân.

7. Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Điều 7. Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học

1. Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học.

2. Tiêu chí 3.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Tiêu chí 3.3: Các hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.

5. Tiêu chí 3.4: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

6. Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Điều 8. Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập

1. Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phức khảo; được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.

3. Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.

4. Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

5. Tiêu chí 4.5: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

6. Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.

7. Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Điều 9. Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

1. Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Tiêu chí 5.2: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

3. Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp.

4. Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.

5. Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

6. Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.

7. Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.

8. Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể.

Điều 10. Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học

1. Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của chương trình đào tạo; được công bố công khai và được cập nhật.

2. Tiêu chí 6.2: Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

3. Tiêu chí 6.3: Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học (học thuật và phi học thuật) được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

4. Tiêu chí 6.4: Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục các phát hiện được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập.

5. Tiêu chí 6.5: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học.

6. Tiêu chí 6.6: Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng.

Điều 11. Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị

1. Tiêu chí 7.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Tiêu chí 7.2: Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên.

3. Tiêu chí 7.3: Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông.

4. Tiêu chí 7.4: Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.

6. Tiêu chí 7.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học.

7. Tiêu chí 7.6: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có).

8. Tiêu chí 7.7: Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.

9. Tiêu chí 7.8: Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến.

Điều 12. Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra

1. Tiêu chí 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

2. Tiêu chí 8.2: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

3. Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

4. Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng.

5. Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Chương III

QUY TRÌNH, CHU KỲ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Mục 1

QUY TRÌNH, CHU KỲ, CÁCH ĐÁNH GIÁ

Điều 13. Quy trình và chu kỳ

1. Quy trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện theo bốn bước:

- a) Tự đánh giá;
- b) Đánh giá ngoài;
- c) Thẩm định kết quả đánh giá;
- d) Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện theo chu kỳ 05 năm đối với chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt.

3. Đối với chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt có điều kiện thì tối đa 1,5 năm (18 tháng) phải tiếp tục thực hiện cải tiến chất lượng để được đánh giá ở mức đạt.

4. Đối với chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt từ chu kỳ II trở đi và có kết quả cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu theo kết quả đánh giá ở chu kỳ liền trước đó thì thời gian kiểm định chất lượng tiếp theo đối với chương trình đào tạo là 7 năm.

Điều 14. Cách đánh giá

1. Chương trình đào tạo được tự đánh giá và đánh giá ngoài theo các tiêu chuẩn và tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo tại Chương II của Thông tư này; trong đó các tiêu chí điều kiện bao gồm: Tiêu

chí 1.3 và Tiêu chí 1.6 thuộc Tiêu chuẩn 1; Tiêu chí 2.2 và Tiêu chí 2.4 thuộc Tiêu chuẩn 2; Tiêu chí 3.2 thuộc Tiêu chuẩn 3; Tiêu chí 4.5 thuộc Tiêu chuẩn 4; Tiêu chí 5.2 thuộc Tiêu chuẩn 5; Tiêu chí 6.1 thuộc Tiêu chuẩn 6; Tiêu chí 7.3 thuộc Tiêu chuẩn 7; và Tiêu chí 8.2 thuộc Tiêu chuẩn 8.

2. Đánh giá tiêu chí như sau:

a) Đạt: Tiêu chí được đánh giá đạt khi cơ sở đào tạo đang tiếp cận chính thức và có hệ thống rõ ràng để đáp ứng tiêu chí, đồng thời các hoạt động thực tế đang diễn ra chặt chẽ và nhất quán với chính sách/quy định/quy trình. Các hoạt động thực tiễn cho thấy cơ sở đào tạo thực hiện nhất quán các chính sách/quy định/quy trình liên quan để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí; có bằng chứng về một số cải tiến thường xuyên.

b) Không đạt: Tiêu chí được đánh giá không đạt khi cơ sở đào tạo không có cách tiếp cận chính thức, hệ thống với các chính sách/quy định/quy trình phù hợp có liên quan để đáp ứng tiêu chí; hoặc có các chính sách/quy định/quy trình nhưng không được áp dụng chính thức. Các hoạt động thực tiễn cho thấy cơ sở đào tạo không thực hiện nhất quán các chính sách/quy định/quy trình liên quan để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí; không có bằng chứng về sự cải tiến chất lượng.

c) Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có thể quy định chi tiết về các mức đạt và không đạt nhằm giúp cơ sở đào tạo biết được thực trạng để cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

3. Đánh giá tiêu chuẩn như sau:

a) Đạt: Tiêu chuẩn được đánh giá ở mức đạt khi có không quá 02 tiêu chí có kết quả đánh giá ở mức không đạt và các tiêu chí còn lại bao gồm tiêu chí điều kiện có kết quả đánh giá ở mức đạt.

b) Không đạt: Tiêu chuẩn được đánh giá ở mức không đạt khi có tiêu chí điều kiện hoặc có trên 02 tiêu chí có kết quả đánh giá ở mức không đạt.

4. Đánh giá chương trình đào tạo như sau:

a) Đạt: Chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt khi tất cả tiêu chuẩn được đánh giá ở mức đạt.

b) Đạt có điều kiện (cần cải tiến chất lượng tối đa trong vòng 18 tháng để có kết quả đánh giá ở mức đạt): Chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt có điều kiện khi có 01 hoặc 02 tiêu chuẩn và có không quá 16 tiêu chí được đánh giá ở mức không đạt.

c) Không đạt: Chương trình đào tạo được đánh giá ở mức không đạt khi có trên 2 tiêu chuẩn hoặc từ 05 tiêu chí điều kiện được đánh giá ở mức không đạt.

Mục 2

TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 15. Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước sau đây:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá (**Biểu 1**).
2. Lập kế hoạch tự đánh giá (**Biểu 2**).
3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng (**Biểu 3**).
4. Đánh giá tiêu chí (**Biểu 4**).
5. Viết báo cáo tự đánh giá (**Biểu 5**).
6. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá theo quy định.

Điều 16. Hội đồng tự đánh giá

1. Hội đồng tự đánh giá có số lượng thành viên là số lẻ và có ít nhất 9 thành viên, do hiệu trưởng hoặc giám đốc (sau đây gọi chung là hiệu trưởng) cơ sở đào tạo quyết định thành lập cho từng chương trình đào tạo.

2. Thành phần hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo bao gồm:

a) Chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng cơ sở đào tạo; các phó chủ tịch là phó hiệu trưởng và trưởng đơn vị chuyên môn có chương trình đào tạo được đánh giá; các thành viên khác gồm: đại diện hội đồng trường, hội đồng khoa học và đào tạo; lãnh đạo các đơn vị chuyên môn và đơn vị quản lý có liên quan; giảng viên có kinh nghiệm tổ chức, tham gia các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng thuộc chương trình đào tạo được đánh giá; đại diện người học của chương trình đào tạo;

b) Hội đồng tự đánh giá có ban thư ký giúp việc, bao gồm các cán bộ của đơn vị chuyên trách về bảo đảm chất lượng và các cán bộ khác, lãnh đạo đơn vị và các giảng viên của chương trình đào tạo được đánh giá; trưởng ban thư ký là lãnh đạo đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá;

c) Các công việc cụ thể của hội đồng tự đánh giá được phân công cho các nhóm công tác chuyên trách gồm các thành viên của hội đồng tự đánh giá và ban thư ký. Mỗi nhóm công tác chuyên trách có ít nhất 03 người, phụ trách một số tiêu chuẩn và do một thành viên của hội đồng tự đánh giá phụ trách.

3. Hội đồng tự đánh giá có chức năng giúp hiệu trưởng chỉ đạo triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo theo Thông tư này. Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận để đi đến thống nhất.

4. Nhiệm vụ của hội đồng tự đánh giá:

a) Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá; giới thiệu quy trình tự đánh giá; nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm tự đánh giá chương trình đào tạo và yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan phối hợp thực hiện;

b) Tổ chức triển khai các bước theo quy trình tự đánh giá.

5. Nhiệm vụ của các thành viên hội đồng tự đánh giá:

a) Chủ tịch hội đồng chịu trách nhiệm về các hoạt động của hội đồng và kết quả tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính và những người phối hợp; triệu tập và điều hành các phiên họp của hội đồng; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập, xử lý, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá kết quả đạt được của từng tiêu chí và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá và phê duyệt báo cáo tự đánh giá;

b) Phó chủ tịch hội đồng thực hiện các nhiệm vụ do chủ tịch hội đồng phân công; khi được chủ tịch hội đồng ủy quyền, có nhiệm vụ điều hành hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được ủy quyền;

c) Các thành viên khác của hội đồng có nhiệm vụ thực hiện những công việc do chủ tịch hội đồng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được phân công.

6. Các thành viên của hội đồng phải được tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá chương trình đào tạo về các nội dung: hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục; quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo; kinh nghiệm tự đánh giá chương trình đào tạo ở trong và ngoài nước; kỹ thuật: nghiên cứu hồ sơ văn bản, phỏng vấn, quan sát, thảo luận nhóm, điều tra và viết báo cáo tự đánh giá.

Điều 17. Lập kế hoạch tự đánh giá

1. Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá, hiệu trưởng - chủ tịch hội đồng tự đánh giá phê duyệt và ban hành.

2. Kế hoạch tự đánh giá phải thể hiện được các nội dung sau:

a) Mục đích và phạm vi của đợt tự đánh giá trong đó bao gồm thông tin về kết quả tự đánh giá việc đáp ứng quy định về chuẩn chương trình đào tạo;

b) Thành phần hội đồng tự đánh giá;

c) Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên hội đồng tự đánh giá;

d) Công cụ tự đánh giá;

đ) Dự kiến các nguồn lực về cơ sở vật chất, tài chính và thời điểm cần huy động các nguồn lực trong quá trình triển khai tự đánh giá;

e) Thời gian biểu: chỉ rõ khoảng thời gian cần thiết để triển khai và lịch trình thực hiện các hoạt động cụ thể trong quá trình triển khai tự đánh giá.

Điều 18. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng

1. Thông tin, minh chứng có thể được thu thập từ hồ sơ lưu trữ của cơ sở đào tạo, đơn vị chuyên môn có chương trình đào tạo được đánh giá, và các đơn vị có liên quan; từ kết quả khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát các hoạt động của cơ sở đào tạo, chương trình đào tạo. Minh chứng phải có nguồn gốc rõ ràng và bảo đảm tính chính xác.

2. Thông tin, minh chứng thu được không chỉ sử dụng cho mục đích đánh giá các mức đạt của từng tiêu chí, mà còn nhằm mô tả hiện trạng các hoạt động của chương trình đào tạo để người đọc hiểu hơn, qua đó làm tăng tính thuyết phục của báo cáo tự đánh giá.

3. Các minh chứng đưa vào báo cáo tự đánh giá phải được mã hóa, số hóa, thuận tiện cho việc kiểm tra, cập nhật, lưu trữ và đối chiếu khi cần thiết.

4. Căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, hội đồng tự đánh giá phân công cụ thể cho các thành viên của hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, viết phiếu đánh giá tiêu chí trước khi tiến hành viết báo cáo tự đánh giá.

Điều 19. Đánh giá mức đạt theo từng tiêu chí

1. Việc đánh giá các mức đạt theo từng tiêu chí thực hiện thông qua phiếu đánh giá tiêu chí, gồm các nội dung: Mô tả, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động và tự đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí.

2. Phiếu đánh giá tiêu chí do cá nhân hoặc nhóm công tác viết và phải được lấy ý kiến của hội đồng tự đánh giá. Mỗi tiêu chí được đánh giá theo một phiếu đánh giá tiêu chí.

Điều 20. Viết báo cáo tự đánh giá

1. Báo cáo tự đánh giá được trình bày cô đọng, rõ ràng, chính xác, khách quan, đầy đủ theo các tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

2. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được công bố trong nội bộ cơ sở đào tạo để các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên và người học có thể đọc và góp ý kiến trong thời gian ít nhất 10 ngày làm việc.

3. Báo cáo tự đánh giá được hội đồng tự đánh giá hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến góp ý của cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên và người học. Hiệu trưởng - chủ tịch hội đồng tự đánh giá phê duyệt báo cáo tự đánh giá.

Điều 21. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá

1. Cơ sở đào tạo lưu trữ báo cáo tự đánh giá và các hồ sơ liên quan, bao gồm:

- a) Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá;
- b) Kế hoạch tự đánh giá;
- c) Báo cáo tự đánh giá đã được phê duyệt;
- d) Các minh chứng;
- đ) Các văn bản liên quan.

2. Thời hạn lưu trữ báo cáo tự đánh giá cùng toàn bộ hồ sơ liên quan theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định hiện hành.

3. Báo cáo tự đánh giá được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo và lưu trữ tại cơ sở đào tạo để các tổ chức, cá nhân quan tâm tham khảo. Đối với chương trình đào tạo cần được bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước, hiệu trưởng cơ sở đào tạo quy định về việc sử dụng báo cáo tự đánh giá theo chế độ bảo mật.

Điều 22. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

1. Cơ sở đào tạo thực hiện các việc sau:

a) Gửi báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp kèm theo công văn đề nghị được quan tâm, hỗ trợ trong quá trình thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng theo các kế hoạch hành động đã nêu trong báo cáo tự đánh giá;

b) Thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát, đánh giá, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng một cách phù hợp.

c) Công khai báo cáo tự đánh giá được cập nhật hằng năm trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo; lưu trữ tại cơ sở đào tạo và cập nhật vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với cơ sở đào tạo thuộc Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng thực hiện quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều này. Cơ quan quản lý trực tiếp thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cập nhật danh sách các chương trình đào tạo đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và gửi thông báo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng) để theo dõi chung.

Mục 3

ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 23. Đăng ký đánh giá ngoài

1. Cơ sở đào tạo đăng ký đánh giá ngoài chương trình đào tạo với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoạt động sau khi đã công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ cơ sở

đào tạo ít nhất 20 ngày làm việc. Đối với chương trình đào tạo cần được bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước thì cơ sở đào tạo gửi báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp để xin phép được đăng ký đánh giá ngoài.

2. Căn cứ thời hạn hiệu lực đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng đối với chương trình đào tạo hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở đào tạo có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài để được xem xét, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đối với các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đăng ký với cơ quan quản lý trực tiếp.

Điều 24. Hợp đồng thẩm định báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài giữa tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cơ sở đào tạo

1. Theo đề nghị của cơ sở đào tạo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ký hợp đồng với cơ sở đào tạo để thẩm định báo cáo tự đánh giá. Cơ sở đào tạo gửi báo cáo tự đánh giá và các hồ sơ liên quan cho tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định. Đối với các chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ sở đào tạo gửi báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp để tổ chức thẩm định trước khi đánh giá ngoài.

2. Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định báo cáo tự đánh giá (**Biểu 6**), trả kết quả thẩm định cho cơ sở đào tạo theo một trong các mức độ như sau:

a) Báo cáo tự đánh giá không đáp ứng các yêu cầu về hình thức và nội dung, cơ sở đào tạo cần tiếp tục hoàn thiện;

b) Báo cáo tự đánh giá đáp ứng yêu cầu về nội dung, cơ sở đào tạo cần sửa chữa một số lỗi về kỹ thuật, trước khi triển khai đánh giá ngoài;

c) Báo cáo tự đánh giá đã đáp ứng yêu cầu và có thể triển khai đánh giá ngoài.

3. Trong trường hợp hồ sơ tự đánh giá đã đáp ứng yêu cầu, cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục triển khai đánh giá ngoài.

Điều 25. Thành lập đoàn đánh giá ngoài

1. Đoàn đánh giá ngoài do giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định thành lập và lấy ý kiến của cơ sở đào tạo được đánh giá trước khi ban hành quyết định thành lập, bảo đảm các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài không có xung đột về lợi ích với cơ sở đào tạo. Đối với cơ sở đào tạo thuộc Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng, danh sách thành viên đoàn đánh giá ngoài do cơ quan quản lý trực tiếp giới thiệu.

2. Số lượng, thành phần đoàn đánh giá ngoài: Đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo có ít nhất 05 thành viên; trường hợp đoàn đánh giá ngoài tổ chức đánh giá từ 03 chương trình đào tạo, phải đáp ứng yêu cầu và tăng số lượng thành viên tương ứng trong Đoàn (bảo đảm tối thiểu mỗi chương trình đào tạo

có ít nhất 02 thành viên). Các thành viên là kiểm định viên chất lượng giáo dục đại học, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Trưởng đoàn, phó trưởng đoàn (nếu có) là người đã hoặc đang là lãnh đạo cấp khoa hoặc giữ các chức vụ khác tương đương hoặc cao hơn, có kinh nghiệm trong việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, triển khai các hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

b) Thư ký của đoàn đánh giá ngoài là người của tổ chức kiểm định, có kinh nghiệm triển khai các hoạt động đánh giá ngoài;

c) Các thành viên còn lại là người của các cơ sở đào tạo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo tổ chức xã hội nghề nghiệp hoặc nhà tuyển dụng lao động liên quan đến chương trình đào tạo được đánh giá, có khả năng nhận xét, đánh giá, tư vấn cho chương trình đào tạo được đánh giá;

d) Đoàn đánh giá ngoài mỗi chương trình đào tạo bảo đảm có ít nhất 01 thành viên là người có chuyên môn cùng ngành hoặc nhóm ngành, lĩnh vực phù hợp với chương trình đào tạo được đánh giá. Việc lựa chọn thành viên không đúng ngành hoặc nhóm ngành do tổ chức kiểm định quyết định và chịu trách nhiệm trên cơ sở thực trạng đội ngũ kiểm định viên của tổ chức kiểm định.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài

1. Trưởng đoàn:

a) Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đánh giá ngoài, trình giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phê duyệt;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá ngoài; phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn đánh giá ngoài;

c) Thay mặt đoàn đánh giá ngoài thông báo và thảo luận với cơ sở đào tạo về kết quả khảo sát, những nhận định và khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài đối với cơ sở đào tạo;

d) Chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá, báo cáo kết quả khảo sát tại cơ sở đào tạo và báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài;

đ) Tổ chức việc tập hợp hồ sơ, tài liệu, minh chứng liên quan đến hoạt động và kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài và chuyển cho tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để lưu trữ sau khi kết thúc đợt đánh giá ngoài;

e) Tổ chức việc chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ việc giải trình các yêu cầu khiếu nại hoặc chất vấn có liên quan đến hoạt động của đoàn đánh giá ngoài.

2. Phó trưởng đoàn (nếu có)

a) Thay mặt trưởng đoàn giải quyết công việc và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá ngoài khi được ủy quyền;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của trưởng đoàn;

3. Thư ký:

a) Giúp trưởng đoàn trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá ngoài;

b) Kiểm tra việc sử dụng các văn bản, biểu mẫu trong quá trình đánh giá ngoài theo đúng quy định;

c) Ghi biên bản các cuộc họp đoàn; phối hợp với trưởng đoàn chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ việc giải trình các yêu cầu khiếu nại hoặc chất vấn có liên quan đến hoạt động của đoàn đánh giá ngoài (nếu có) và thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của trưởng đoàn.

4. Các thành viên khác: Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của trưởng đoàn; chịu trách nhiệm và được bảo lưu ý kiến về nội dung được phân công phụ trách; phối hợp với trưởng đoàn và thư ký giải trình theo yêu cầu khiếu nại hoặc chất vấn về nội dung đánh giá có liên quan.

Điều 27. Giám sát viên, thực tập viên

1. Giám sát viên là lãnh đạo hoặc cán bộ cơ hữu được Giám đốc tổ chức kiểm định ủy quyền thực hiện nhiệm vụ giám sát đoàn đánh giá ngoài để bảo đảm hoạt động đánh giá ngoài đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; người được ủy quyền có trách nhiệm kịp thời phản ánh với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về hoạt động của đoàn đánh giá ngoài.

2. Thực tập viên là người đang tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm hoặc đã được cấp thẻ kiểm định viên, được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cơ sở đào tạo bố trí cho quan sát, thực tập hoạt động đánh giá ngoài.

3. Giám sát viên và thực tập viên được tham gia các hoạt động của quá trình đánh giá, được dự các phiên làm việc của đoàn đánh giá ngoài do trưởng đoàn quyết định nhưng không được can thiệp về chuyên môn làm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá ngoài và phải cam kết tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin.

Điều 28. Nguyên tắc làm việc của đoàn đánh giá ngoài

1. Đoàn đánh giá ngoài làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và đồng thuận giữa các thành viên trong đoàn.

2. Đối với những nội dung về chuyên môn không đạt được sự nhất trí của ít nhất 2/3 số thành viên trong đoàn đánh giá ngoài, trưởng đoàn có trách nhiệm tổ

chức họp đoàn để thảo luận trực tiếp và đưa ra quyết định cuối cùng. Các cuộc họp này đều được ghi nhận bằng biên bản.

3. Các thành viên đoàn đánh giá ngoài, giám sát viên và thực tập viên cần tuân thủ các nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục; có văn bản cam kết hoặc thỏa thuận với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm giữ bí mật thông tin liên quan đến hoạt động đánh giá ngoài; tôn trọng các đối tượng phỏng vấn, cơ sở đào tạo và các thành viên khác trong đoàn.

Điều 29. Quy trình đánh giá ngoài

1. Nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá:

a) Đoàn đánh giá ngoài nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và hồ sơ liên quan đến chương trình đào tạo được đánh giá do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi đến; thu thập, phân tích, xử lý các thông tin, minh chứng liên quan đến các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục;

b) Các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài thảo luận để thống nhất các nội dung: Về hình thức, cấu trúc và nội dung của báo cáo tự đánh giá; những tiêu chí chưa đánh giá, đánh giá chưa đúng hoặc chưa được phân tích và đánh giá đầy đủ; danh sách những tiêu chí cần kiểm tra, thẩm định lại hoặc bổ sung thông tin và minh chứng; danh mục những tư liệu, tài liệu cần được kiểm tra hoặc những tư liệu, tài liệu cần được bổ sung; dự kiến đối tượng và nội dung cần phỏng vấn; dự kiến địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, các hoạt động cần khảo sát; dự kiến những tình huống có thể phát sinh;

c) Hoàn thiện dự thảo báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ; dự thảo phải được lấy ý kiến của các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài và được ít nhất 2/3 số thành viên trong đoàn đánh giá ngoài nhất trí thông qua theo hình thức bỏ phiếu kín.

2. Khảo sát sơ bộ

a) Thời gian làm việc 01 ngày, hình thức làm việc trực tiếp hoặc trực tuyến;

b) Thành phần: Trưởng đoàn, thư ký đoàn đánh giá ngoài; hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo và đại diện tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (nếu có);

c) Nội dung: Thông báo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá; hướng dẫn, yêu cầu cơ sở đào tạo chuẩn bị cho khảo sát chính thức; thống nhất thời gian khảo sát chính thức của đoàn; hoàn thiện biên bản khảo sát sơ bộ và các vấn đề khác mà đoàn đánh giá ngoài thấy cần thiết;

d) Sau buổi làm việc, các bên ký biên bản khảo sát sơ bộ (**Biểu 7**).

3. Khảo sát chính thức tại cơ sở đào tạo

a) Thời gian làm việc trực tiếp: từ 03 đến 05 ngày.

b) Các hoạt động chính của đoàn đánh giá ngoài: Nghiên cứu hồ sơ minh chứng, tài liệu do cơ sở đào tạo cung cấp; tham quan, khảo sát, phỏng vấn, quan

sát các hoạt động chính khóa, ngoại khóa và thảo luận tại cơ sở đào tạo; viết báo cáo kết quả khảo sát chính thức; thảo luận về dự thảo báo cáo kết quả khảo sát chính thức, báo cáo phải được ít nhất 2/3 số thành viên của đoàn đánh giá ngoài nhất trí thông qua; trước khi kết thúc đợt khảo sát, đoàn đánh giá ngoài làm việc với hội đồng tự đánh giá để thông báo những công việc đã thực hiện và các phát hiện trong quá trình khảo sát, đồng thời hai bên ký biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức (**Biểu 9**);

c) Tùy thuộc vào bối cảnh và thực tế, đoàn đánh giá ngoài có thể kết hợp phỏng vấn trực tiếp với phỏng vấn trực tuyến; đối tượng phỏng vấn là cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở đào tạo, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, người học đã tốt nghiệp và nhà sử dụng lao động liên quan đến chương trình đào tạo; đối tượng phỏng vấn phải bảo đảm đủ cơ cấu về độ tuổi, thâm niên công tác, giới tính, có sự phân bố hợp lý và mang tính đại diện các bên liên quan. Nội dung phỏng vấn được ghi âm, lưu tại tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Dự thảo báo cáo đánh giá ngoài (**Biểu 10**)

a) Các thành viên đoàn đánh giá ngoài viết báo cáo theo những tiêu chí được phân công và gửi cho trưởng đoàn và thư ký để tổng hợp (**Biểu 8**); trưởng đoàn và thư ký tập hợp, biên tập, hoàn thiện dự thảo báo cáo đánh giá ngoài và gửi lại cho các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài để lấy ý kiến góp ý (nội dung dự thảo báo cáo đánh giá ngoài phải được ít nhất 2/3 số thành viên trong đoàn nhất trí thông qua). Trường hợp không nhận được sự nhất trí của ít nhất 2/3 số thành viên trong đoàn, thì trưởng đoàn đánh giá ngoài phải họp đoàn để thảo luận lần cuối và trưởng đoàn có trách nhiệm đưa ra quyết định cuối cùng. Các cuộc họp này đều được ghi nhận bằng biên bản.

b) Đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi dự thảo báo cáo đánh giá ngoài cho cơ sở đào tạo để tham khảo ý kiến trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở đào tạo nhận được dự thảo báo cáo.

5. Hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, cơ sở đào tạo có trách nhiệm gửi công văn cho đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, nêu rõ các ý kiến nhất trí hoặc không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá ngoài. Trường hợp không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, cơ sở đào tạo phải nêu rõ lý do kèm theo các minh chứng. Nếu quá thời hạn trên mà cơ sở đào tạo không có ý kiến trả lời thì xem như cơ sở đào tạo đồng ý với dự thảo báo cáo đánh giá ngoài;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của cơ sở đào tạo hoặc kể từ ngày hết thời hạn cơ sở đào tạo trả lời ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định

chất lượng giáo dục gửi văn bản thông báo cho cơ sở đào tạo biết những ý kiến đã được tiếp thu hoặc bảo lưu. Trường hợp bảo lưu ý kiến phải nêu rõ lý do;

c) Đoàn đánh giá ngoài hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài và nộp báo cáo đánh giá ngoài cùng các hồ sơ liên quan (nếu có) cho giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục chính thức gửi báo cáo đánh giá ngoài cho cơ sở đào tạo;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận báo cáo đánh giá ngoài, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cập nhật thông tin vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học;

đ) Các thành viên đoàn đánh giá ngoài không được tự ý cung cấp các thông tin liên quan đến nội dung công việc và kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài khi chưa được phép của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 30. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo trong hoạt động đánh giá ngoài chương trình đào tạo

1. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ, dữ liệu liên quan đến hoạt động của chương trình đào tạo, các điều kiện cần thiết khác để phục vụ công tác đánh giá ngoài.

2. Phân công một lãnh đạo của cơ sở đào tạo, một lãnh đạo khoa có chương trình đào tạo được đánh giá và một cán bộ chuyên trách làm đầu mối làm việc với đoàn đánh giá ngoài.

3. Hợp tác, trao đổi, thảo luận với đoàn đánh giá ngoài về kết quả nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và kết quả khảo sát của đoàn tại cơ sở đào tạo.

4. Thực hiện quy định tại điểm a khoản 5 Điều 29 Thông tư này.

5. Sau khi thống nhất với kết quả đánh giá ngoài, cơ sở đào tạo gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục văn bản đề nghị xem xét công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và ký hợp đồng thẩm định kết quả đánh giá và xét công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

6. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày cơ sở đào tạo nhận được công văn kèm theo báo cáo đánh giá ngoài chính thức từ tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, nếu cơ sở đào tạo không có văn bản đề nghị xem xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thì xem như cơ sở đào tạo không có nhu cầu thẩm định, công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục không có trách nhiệm phải thực hiện các bước tiếp theo.

Mục 4

**THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Điều 31. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục

1. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục do giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định thành lập để thực hiện nhiệm vụ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục, đề nghị giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận hoặc không công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Hội đồng được sử dụng con dấu của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định; tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh nhân sự của hội đồng để đáp ứng theo yêu cầu và quy định.

2. Hội đồng có số lượng thành viên là số lẻ và có ít nhất 09 thành viên, trong đó có không quá 30% số người trong hội đồng là thành viên cơ hữu của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng là lãnh đạo của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, hoặc kiểm định viên đã làm trưởng đoàn của ít nhất 10 đoàn đánh giá ngoài hoặc là người đã hoặc đang làm lãnh đạo cơ sở đào tạo hoặc tương đương trở lên;

b) Ủy viên hội đồng là người đã hoặc đang là lãnh đạo cơ sở đào tạo hoặc tương đương trở lên, lãnh đạo của đơn vị sử dụng lao động (nếu có), kiểm định viên đã làm trưởng đoàn hoặc thư ký đã tham gia ít nhất 05 đoàn đánh giá ngoài; các ủy viên của hội đồng bảo đảm trên 80% là kiểm định viên;

c) Hội đồng có tổ thư ký giúp việc do chủ tịch hội đồng đề nghị giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định thành lập, trong đó, tổ trưởng tổ thư ký là 01 thành viên của hội đồng;

d) Trường hợp thẩm định kết quả đánh giá các chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo thuộc Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng, thành phần của hội đồng được giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng;

đ) Người là trưởng đoàn đánh giá ngoài của chương trình đào tạo không được tham gia hội đồng với vai trò chủ tịch, thư ký và không được bỏ phiếu cho chương trình đào tạo đó.

4. Phương thức làm việc của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số để quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ của hội đồng. Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có thể mời thêm chuyên gia về lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục tham dự phiên họp của hội đồng; trong trường hợp này, thành viên được mời dự họp được tham gia các ý kiến trao đổi thảo luận về chuyên môn nhưng không được tham gia biểu quyết;

b) Hội đồng họp (trực tiếp hoặc trực tuyến) toàn thể các thành viên định kỳ hai lần mỗi năm để thảo luận về các vấn đề chuyên môn bao gồm các xu hướng về bảo đảm và kiểm định chất lượng; đưa ra các khuyến nghị chính sách, cải tiến chất lượng đối với tổ chức kiểm định, cơ quan quản lý nhà nước (nếu có); họp theo triệu tập của chủ tịch hội đồng; mỗi buổi họp không thăm định quá hồ sơ của 03 đợt đánh giá ngoài của tối đa 02 cơ sở đào tạo;

c) Ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên trong hội đồng và thành viên được mời (nếu có) nhận được hồ sơ thăm định để nghiên cứu;

d) Ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, mỗi thành viên trong hội đồng gửi văn bản nhận xét về hồ sơ thăm định cho chủ tịch hội đồng (**Biểu 13**);

đ) Ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày họp, chủ tịch hội đồng gửi dự thảo nghị quyết cho các thành viên trong hội đồng để nghiên cứu trước khi trao đổi, thảo luận tại cuộc họp;

e) Hội đồng căn cứ vào hồ sơ thăm định, xem xét, biểu quyết về việc thay đổi kết quả đánh giá ngoài với những tiêu chí, tiêu chuẩn có kết quả đánh giá chưa bảo đảm theo yêu cầu của các tiêu chí, tiêu chuẩn;

g) Nghị quyết của hội đồng (**Biểu 14**) chỉ có giá trị khi được ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng nhất trí thông qua theo hình thức bỏ phiếu kín; biên bản họp hội đồng được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng;

h) Trong trường hợp ủy viên hội đồng là thành viên đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo có hồ sơ thăm định thì không tham gia bỏ phiếu thông qua nghị quyết của hội đồng; nghị quyết của hội đồng có giá trị khi được ít nhất 2/3 số thành viên còn lại của hội đồng nhất trí thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín và phải bảo đảm về số lượng thành viên hội đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư này.

5. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm về kết quả thăm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Điều 32. Thời hạn và hồ sơ thăm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xem xét công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của cơ sở đào tạo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức họp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thăm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục. Trường họp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục họp trực tuyến thì tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phải đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật công nghệ thông tin; tiến trình cuộc họp được ghi âm đầy đủ để lưu trữ cùng hồ sơ thăm định kết quả đánh giá.

2. Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục gồm có:

a) Báo cáo tự đánh giá;

b) Báo cáo đánh giá ngoài;

c) Văn bản của đoàn đánh giá ngoài gửi dự thảo báo cáo đánh giá ngoài cho cơ sở đào tạo;

d) Văn bản phản hồi của cơ sở đào tạo về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài (nếu có);

đ) Văn bản của đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để gửi cơ sở đào tạo về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến;

e) Văn bản của cơ sở đào tạo đề nghị xem xét công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục;

g) Báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài.

3. Tổ thư ký giúp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục lập kế hoạch thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, chuẩn bị hồ sơ thẩm định, gửi hồ sơ thẩm định cho các thành viên hội đồng.

Điều 33. Quy trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Quy trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Hội toàn thể hội đồng do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền chủ trì để thực hiện các công việc sau:

a) Nghe báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo và những vấn đề cần thảo luận làm rõ;

b) Nghe báo cáo tóm tắt kết quả đánh giá ngoài chương trình đào tạo của đoàn đánh giá ngoài và những vấn đề cần thảo luận làm rõ;

c) Thảo luận về các nội dung: Kết quả tự đánh giá; kết quả đánh giá ngoài; việc điều chỉnh kết quả đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn (nếu có); dự thảo nghị quyết của hội đồng về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, trong đó có các kiến nghị của hội đồng về việc đề nghị cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo được đánh giá khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục;

d) Hội đồng bỏ phiếu kín để thông qua nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. Trường hợp hội đồng họp trực tuyến, các thành viên của hội đồng thực hiện biểu quyết theo hình thức phù hợp, bảo đảm yêu cầu phiếu kín và được lưu trữ.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm gửi cho cơ sở đào tạo đăng ký

kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghị quyết thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, kèm theo các kiến nghị của hội đồng về việc đề nghị cơ sở đào tạo khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo được đánh giá.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được các văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ sở đào tạo có văn bản phản hồi gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo một trong ba trường hợp sau:

a) Nhất trí với nội dung của nghị quyết và kiến nghị của hội đồng, đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

b) Nhất trí với nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng, cơ sở đào tạo có kế hoạch khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục;

c) Không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng, đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét lại.

4. Đối với trường hợp được quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở đào tạo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công bố công khai kết quả đánh giá ngoài, nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

b) Sau 15 ngày công bố, nếu không có các khiếu nại, tố cáo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ra quyết định cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cho cơ sở đào tạo; nếu có các khiếu nại, tố cáo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục rà soát lại toàn bộ quy trình và hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chương trình đào tạo trước khi quyết định cấp hay không cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

c) Đối với các chương trình đào tạo cần bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước thì cơ sở đào tạo gửi kết quả đánh giá ngoài, nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng để báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp ít nhất 15 ngày làm việc trước khi được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét công nhận.

5. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm giải thích về nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng khi cơ sở đào tạo yêu cầu.

6. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có kế hoạch xem xét lại nội dung nghị quyết của hội đồng trong phiên họp gần nhất theo quy trình quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 5

CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 34. Điều kiện và việc công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục

1. Dựa trên nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét, công nhận mức đạt tiêu chuẩn chất lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Đã có ít nhất một khóa người học tốt nghiệp tại thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá;

b) Đã được đánh giá ngoài và có văn bản đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng xem xét, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo;

c) Kết quả đánh giá chương trình đào tạo đáp ứng quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 4 Điều 14 của Thông tư này.

2. Việc công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng

a) Chương trình đào tạo đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, đồng thời đáp ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 của Thông tư này được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, có giá trị trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

b) Chương trình đào tạo đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, đồng thời đáp ứng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 của Thông tư này được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt có điều kiện, có giá trị trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp;

c) Trong thời gian không quá 18 tháng kể từ ngày chương trình đào tạo được công nhận đạt có điều kiện, cơ sở đào tạo tiến hành cải tiến chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, đồng thời đáp ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 của Thông tư này có thể gửi công văn đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện xem xét đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định tại Mục 6 của Chương này;

đ) Trong thời gian tối thiểu 09 tháng trước khi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo hết hạn, cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo chu kỳ tiếp theo, trong đó làm rõ các cải tiến chất lượng so với chu kỳ liền trước đó và đăng ký với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để được kiểm định.

Điều 35. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

1. Căn cứ đề nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ra quyết định công nhận chương trình đào

tạo đạt hoặc đạt có điều kiện và cấp giấy chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho chương trình đào tạo đạt hoặc đạt có điều kiện.

2. Giấy chứng nhận phải ghi rõ số tiêu chuẩn đạt; số tiêu chí, tiêu chí điều kiện đạt yêu cầu và tỉ lệ phần trăm số tiêu chí, tiêu chí điều kiện đạt yêu cầu.

3. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thiết kế và in ấn sau khi đăng ký mẫu giấy chứng nhận với Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng).

Điều 36. Thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

1. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo còn thời hạn giá trị bị thu hồi nếu có vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Đoàn đánh giá ngoài được thành lập không đúng quy định tại Điều 25 của Thông tư này;

b) Việc công nhận kết quả đánh giá và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo khi chương trình đào tạo không đáp ứng đủ các điều kiện tại Điều 34 của Thông tư này;

c) Chương trình đào tạo không đáp ứng yêu cầu đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

d) Chương trình đào tạo không đáp ứng yêu cầu duy trì điều kiện bảo đảm chất lượng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình tự thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản yêu cầu giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo kèm theo các tài liệu liên quan;

b) Giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm xem xét căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều này và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc báo cáo lại Bộ Giáo dục và Đào tạo nếu không đủ căn cứ thu hồi.

3. Quyết định thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo được công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cập nhật vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Điều 37. Thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo

1. Cơ sở đào tạo duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo. Duy trì và phát huy kết quả kiểm định chất lượng chương

trình đào tạo đã được công nhận trong thời hạn có giá trị của giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

2. Hằng năm, cơ sở đào tạo triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo theo các kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo với cơ quan quản lý trực tiếp về kết quả cải tiến chất lượng và việc khắc phục những tồn tại đã được chỉ ra trong báo cáo đánh giá ngoài.

3. Sau khi chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, cơ sở đào tạo thực hiện việc tự đánh giá giữa chu kỳ, tập trung đánh giá kết quả thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục; gửi báo cáo đánh giá giữa chu kỳ về Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý trực tiếp và tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cập nhật vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học (**Biểu 15**).

4. Cơ sở đào tạo thực hiện đánh giá chu kỳ tiếp theo, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 13 của Thông tư này.

Điều 38. Hồ sơ lưu trữ về hoạt động đánh giá, công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng

Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục lưu trữ hồ sơ về hoạt động đánh giá, công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng; thời hạn bảo quản, lưu trữ và sử dụng hồ sơ tại tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Luật lưu trữ và các quy định hiện hành. Hồ sơ lưu trữ gồm:

1. Các hợp đồng giữa tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục với cơ sở đào tạo để thực hiện việc thẩm định báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài và thẩm định, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

2. Các văn bản về hoạt động thẩm định báo cáo tự đánh giá: Kết quả thẩm định báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo của tổ chức kiểm định chất lượng; hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo được hoàn thiện sau thẩm định của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Các văn bản về hoạt động đánh giá ngoài: Quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài; kế hoạch đánh giá ngoài; kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công của từng thành viên đoàn đánh giá ngoài; báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá của đoàn đánh giá ngoài; biên bản khảo sát sơ bộ; kết quả nghiên cứu sâu các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công của từng thành viên đoàn đánh giá ngoài; báo cáo kết quả khảo sát chính thức của đoàn đánh giá ngoài; biên bản khảo sát chính thức; văn bản của cơ sở đào tạo về nội dung dự thảo báo cáo đánh giá ngoài (nếu có); văn bản của đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi cơ sở đào tạo về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến (nếu có); báo cáo đánh giá ngoài.

4. Văn bản về hoạt động thẩm định, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo: Kế hoạch họp hội đồng; hồ sơ thẩm định; nhận xét về hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của từng thành viên hội đồng; biên bản họp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục; nghị quyết của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục; báo cáo đánh giá ngoài hoàn thiện sau thẩm định (nếu có); quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Mục 6

ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ

MỨC ĐẠT CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 39. Tự đánh giá và đề nghị đánh giá lại

1. Trong thời gian không quá 18 tháng kể từ ngày chương trình đào tạo được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt có điều kiện, cơ sở đào tạo thực hiện các việc:

a) Cải tiến chất lượng, tự đánh giá những tiêu chí, tiêu chuẩn có mức đánh giá chưa đạt sau khi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả đánh giá;

b) Nếu kết quả sau tự đánh giá đáp ứng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 của Thông tư này thì giấy chứng nhận hết hiệu lực; cơ sở đào tạo đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đã đánh giá thực hiện việc đánh giá lại đối với các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu. Trường hợp hết thời hạn 18 tháng sau khi được công nhận ở mức đạt có điều kiện, chương trình đào tạo vẫn không đáp ứng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 của Thông tư này thì sẽ phải thực hiện việc kiểm định lại từ đầu theo quy trình kiểm định chất lượng giáo dục;

2. Hồ sơ đăng ký đánh giá lại gồm có công văn của cơ sở đào tạo gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đã đánh giá đề nghị đánh giá lại kèm theo báo cáo tự đánh giá có cập nhật nội dung, kết quả đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt trên báo cáo tự đánh giá trước đó đã gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 40. Đánh giá lại, thẩm định kết quả đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục

1. Đánh giá lại:

a) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phân công thành viên đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu hoặc thành viên khác cùng đoàn đánh giá ngoài thực hiện việc đánh giá lại tiêu chí, tiêu chuẩn đó tại cơ sở đào tạo. Thành viên được phân công nghiên cứu hồ sơ minh chứng, tài liệu có liên quan đến tiêu chí đánh giá do cơ sở đào tạo cung cấp; sau đó thực hiện việc khảo sát chính thức tại cơ sở đào tạo trong thời gian không quá

02 ngày với các hoạt động: nghiên cứu hồ sơ minh chứng, tài liệu có liên quan đến tiêu chí đánh giá; thực hiện khảo sát, phỏng vấn, quan sát các hoạt động chính khóa, ngoại khóa (nếu cần) tại cơ sở đào tạo; hoàn thiện các phiếu đánh giá tiêu chí; viết báo cáo kết quả khảo sát chính thức. Trước khi kết thúc đợt khảo sát, thành viên đánh giá lại làm việc với hội đồng tự đánh giá để thông báo những công việc đã thực hiện và các phát hiện trong quá trình khảo sát, đồng thời hai bên ký biên bản khảo sát chính thức;

b) Thành viên đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi dự thảo báo cáo đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn cho cơ sở đào tạo để tham khảo ý kiến trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở đào tạo nhận được dự thảo báo cáo;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo đánh giá lại, cơ sở đào tạo có trách nhiệm gửi công văn cho thành viên đánh giá ngoài qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, nêu rõ các ý kiến nhất trí hoặc không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn. Trường hợp không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá lại, cơ sở đào tạo phải nêu rõ lý do kèm theo các minh chứng. Nếu quá thời hạn trên mà cơ sở đào tạo không có ý kiến trả lời thì xem như cơ sở đào tạo đồng ý với dự thảo báo cáo đánh giá lại;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của cơ sở đào tạo hoặc kể từ ngày hết thời hạn cơ sở đào tạo trả lời ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá lại, thành viên đánh giá lại thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi văn bản thông báo cho cơ sở đào tạo biết những ý kiến đã được tiếp thu hoặc bảo lưu. Trường hợp bảo lưu ý kiến phải nêu rõ lý do;

đ) Thành viên đánh giá lại hoàn thiện báo cáo đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn và nộp về tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cập nhật vào báo cáo đánh giá ngoài trước đó và chính thức gửi báo cáo đánh giá lại cho cơ sở đào tạo.

2. Thẩm định kết quả đánh giá lại:

a) Sau khi được đánh giá lại, nếu đáp ứng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 của Thông tư này, cơ sở đào tạo sẽ được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả đánh giá;

b) Việc thẩm định kết quả đánh giá thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương III của Thông tư này.

3. Công nhận và cấp giấy chứng nhận:

a) Việc công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III của Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục được cấp sau đánh giá lại, hết giá trị vào thời điểm 05 năm sau ngày chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

c) Chương trình đào tạo có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng được cấp sau đánh giá lại thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 37 của Thông tư này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Trách nhiệm của Cục Quản lý chất lượng

1. Công khai danh sách các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước, các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài, các chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tổ chức triển khai, bảo đảm việc thực hiện thống nhất các quy định của Thông tư này.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan theo quy định.

Điều 42. Trách nhiệm của Thanh tra

1. Tổ chức thanh tra hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

2. Xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Điều 43. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin: Tổ chức việc khai thác Hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học (HEMIS), chia sẻ, cung cấp thông tin về bảo đảm và kiểm định chất lượng trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo đề nghị của các bên liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Lập kế hoạch phấn đấu đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục chương trình đào tạo cho các chương trình đào tạo theo từng giai đoạn và theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cập nhật hoạt động và kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; thông tin về kết quả tự đánh giá giữa chu kỳ vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

3. Công bố công khai kết quả đánh giá ngoài, kế hoạch cải tiến chất lượng, giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi được cấp (không

áp dụng đối với các cơ sở đào tạo cần được bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước).

4. Hằng năm, báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp và Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục sau khi được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá và chịu trách nhiệm về việc chương trình đào tạo đáp ứng các quy định của chuẩn chương trình đào tạo và các điều kiện về duy trì ngành đào tạo theo quy định hiện hành trước khi đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức kiểm định.

6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra; cung cấp tài liệu, minh chứng, báo cáo phục vụ việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động kiểm định chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước:

a) Báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai các thông tin, kết quả kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan;

b) Cập nhật vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và công bố công khai báo cáo đánh giá ngoài, nghị quyết của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ít nhất 15 ngày trước khi cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (không áp dụng đối với các cơ sở đào tạo cần được bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước);

c) Cập nhật vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và công bố công khai giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi cấp. Công khai danh sách các chương trình đào tạo đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục;

d) Hằng tháng, cập nhật hoạt động và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

đ) Quy hoạch và phát triển đội ngũ kiểm định viên cơ hữu và kiểm định viên cộng tác;

e) Công khai trên trang thông tin điện tử của mình về cách tính và mức kinh phí cho các hoạt động: thẩm định báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài và thẩm định, công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng.

g) Căn cứ nội dung quy định của Thông tư này, phát triển các tài liệu, sổ tay nghiệp vụ chuyên môn dành cho kiểm định viên để triển khai thống nhất. Trong trường hợp bổ sung các tiêu chí và hướng dẫn mới liên quan đến việc thực hiện tiêu chuẩn kiểm định, tổ chức kiểm định gửi báo cáo và xin ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi ban hành.

2. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài:

a) Thực hiện quy định tại Điều 1 và Điều 4 của Thông tư này;

b) Công khai các thông tin hoạt động, giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử của mình và thực hiện các quy định tại quyết định cho phép hoạt động của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Sau khi cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức kiểm định có trách nhiệm theo dõi, phản hồi báo cáo cải tiến chất lượng của cơ sở đào tạo.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra; cung cấp tài liệu, minh chứng, báo cáo phục vụ việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động kiểm định chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Quy định chuyển tiếp

Các cơ sở đào tạo và tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đang thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp và theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học thì tiếp tục thực hiện quy trình kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành trong giai đoạn chuyển tiếp cho đến hết ngày 30 tháng 12 năm 2025. Trong đó, việc tự đánh giá của cơ sở đào tạo chỉ thực hiện cho đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 47. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT

ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học; Thông tư số 49/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trình độ đại học; Thông tư số 33/2014/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo điều dưỡng trình độ đại học và Thông tư số 23/2011/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục sư phạm kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học.

3. Đối với các chương trình đào tạo được đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm được quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện việc đánh giá, công nhận theo quy định tại Chương III, Chương IV và Chương V của Thông tư này.

Điều 48. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Viện trưởng các viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ; Hiệu trưởng hoặc Giám đốc các cơ sở đào tạo khác được phép hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; Người đứng đầu cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm; Giám đốc các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 48;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Minh Sơn